TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2018/HS-ST
Ngày 10 - 10- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Toàn

Bà Phạm Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 151/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Ngọc Th, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1977 tại Thái Bình; nơi cư trú: phường K, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Th1 (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1950; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 và có 02 con; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số148/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc đưa người vào cơ sở giáo dục do có nhiều lần trộm cắp tài sản thời hạn 24 tháng đến ngày 30/11/2013 chấp hành xong. Bản án số 140/2007/HSST ngày 08/7/2007 của Tòa án nhân dân thành

phố Thái Bình xử phạt 24 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/6/2007, chấp hành xong hình phạt ngày 30/4/2009, thi hành xong án phí hình sự 28/3/2008; bị tạm giữ từ ngày 25 tháng 6 năm 2018 đến ngày 28 tháng 6 năm 2018 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình; có mặt.

2. Họ và tên: Trần Văn T, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1989 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; có vợ là Lục Tiểu Kh, sinh năm 1991 (đã ly hôn); tiền án: Bản án số 41/2010/HSST ngày 12/11/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày 7/8/2010. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/02/2012, được miễn nghĩa vụ thi hành án dân sự ngày 08/8/2018. Bản án số 77/2015 ngày 17/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2018; tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số40/QĐ-XPHC ngày 25/6/2012 của Công an tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 27/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc đưa người vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng do nhiều lần có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến ngày 16/9/2014 chấp hành xong; bị tạm giữ từ ngày 25 tháng 6 năm 2018 đến ngày 28 tháng 6 năm 2018 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình; có mặt.

- *Người chứng kiến:*

+ Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1964; nơi cư trú: phường K, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; vắng mặt

+ Anh Đinh Đức H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Đ1, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 ngày 25 tháng 6 năm 2018 Trần Văn T đang đứng tại khu vực cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình thì gặp Phạm Ngọc Th đang điều khiển xe mô tô HONGDA-WAVE màu xanh, biển kiểm soát 16F9-7028. T rủ Th cùng mua ma túy là Hêrôin về cùng sử dụng. Th nói không có tiền, T lấy từ túi quần bên phải của T ra 200.000 đồng (gồm 02 tờ mệnh giá 100.000 đồng) đưa cho Th. Th đồng ý cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô chở T ngồi phía sau đến phường K, thành phố Th mua ma túy. Khi đi đến một ngõ nhỏ, Th dừng xe lại và bảo T đứng ngoài còn Th đi bộ vào trong ngõ, gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 35 tuổi không quen biết 200.000 đồng được 01 gói nhỏ ma túy bên ngoài gói bằng nilon màu đen rồi cất giấu vào túi quần bên phải, đi ra gặp T. Sau đó T điều khiển xe mô tô chở Th đi tìm chỗ vắng để sử dụng. Khi cả hai đi đến khu vực phường Tr, thành phố Th, tỉnh Thái Binh thì bị tổ công tác Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thái Bình yêu cầu dừng lại kiểm tra. Trước sự chứng kiến của anh Đinh Đức H và anh Nguyễn Hữu T1, Th tự giác lấy từ túi quần bên phải ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói bên ngoài được gói bằng nilon màu đen, bên trong gói bằng giấy tráng kim màu vàng có chứa chất bột màu trắng dạng cục, Th khai là Hêrôin do T đưa tiền mua để cùng sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong vật chứng, yêu cầu Th, T và mời người chứng kiến về Công an phường Trần Lãm làm việc. Tại đây, kiểm tra người Th thu tại túi quần bên trái của Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu vàng đen đã cũ; kiểm tra người T thu tại túi quần bên phải của T 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đã cũ, kiểm tra xe mô tô không phát hiện thu giữ gì. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản quản lý phương tiện.

Tại bản kết luận giám định số 276/KLGĐ-PC54 ngày 25/6/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: "*Mẫu gửi giám định*

thu của Phạm Ngọc Th là ma túy, loại Hêrôin có khối lượng 0,1905 gam (không phẩy một nghìn chín trăm linh năm gam".

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Phạm Ngọc Th không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình nêu trên.

Bản cáo trạng số: 160/CT-VKSTP ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Phạm Ngọc Th về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và bị cáo Trần Văn T về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo như đã nêu trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc Th và bị cáo Trần Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"

***** Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Th từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 25 tháng 6 tháng năm 2018

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 25 tháng 6 tháng năm 2018

***** Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch thu tiêu hủy số Hêrôin thu của bị cáo Th 0,1905 gam còn lại sau giám định là 0,1697 gam.

- Trả lại bị cáo Th 01 điện thoại di động Mobistar màu vàng đen đã cũ và trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đã cũ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

***** Về án phí: Bị cáo Th, bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến và tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Các bị cáo Th, T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại khu vực đường phường Tr, thành phố Th, tỉnh Thái Bình, Phạm Ngọc Th và Trần Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy loại Hêrôin có khối lượng là 0,1905 gam (không phẩy một nghìn chín trăm linh năm gam) mục đích sử dụng chung cho cả hai người, bị tổ công tác Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của bị cáo Th, bị cáo T phù hợp với lời khai của người chứng kiến là anh Đinh Đức H và anh Nguyễn Hữu T1. Lời khai của bị cáo Th, T còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 16 giờ 45 phút ngày 25 tháng 6 năm 2018; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ lập hồi 18 giờ 15 phút ngày 25 tháng 6 năm 2018; bản Kết luận

giám định số: 276/KLGĐ-PC54 ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại Bản án số 77/2015 ngày 17/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình , bị cáo Trần Văn T được xác định là đã tái phạm đến nay bị cáo chưa được xóa án tích nhưng vẫn cố ý phạm tội, như vậy phải áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm để định khung hình phạt đối với bị cáo T. Theo quy định tại điểm c khoản 1, điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 thì:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroin, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

o) Tái phạm nguy hiểm

...".

Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Ngọc Th phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và hành vi của bị cáo Trần Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy* theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, phá vỡ hạnh phúc gia đình, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại

tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an . Vì vậy phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm: Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm. Bị cáo Trần Văn T là người khởi xướng việc mua ma túy và là người bỏ ra số tiền 200.000 đồng để mua ma túy nên giữ vai trò chính. Bị cáo Phạm Ngọc Th là trực tiếp giao dịch mua bán ma túy bằng số tiền 200.000 đồng bị cáo T đưa nên là đồng phạm trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu. Bị cáo T có 02 tiền án về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" nhưng không chịu rèn luyện mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, tình tiết tái phạm nguy hiểm của bị cáo T đã được quy định để định khung hình phạt đối với bị cáo. Do đó, bị cáo Th và bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, hơn nữa bị cáo Th có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba. Do đó bị cáo Th được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo T được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhưng cũng xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt*

tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản", nhưng do các bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Th 0,1905 gam (không phẩy một nghìn chín trăm linh năm gam) ma túy loại Hêrôin còn lại sau giám định là 0,1697 gam (không phẩy một nghìn sáu trăm chín mươi bảy gam) trong phong bì niêm phong số 276/KLGĐ là vật Nhà nước cấm lưu hành, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu tiêu hủy.

[8.2] Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Phạm Ngọc Th 01 xe mô tô nhãn hiệu HONGDA – WAVE màu xanh, biển kiểm soát 16F9-7028, quá trình điều tra xác định là tài sản chung của bị cáo Th và vợ là chị Nguyễn Thị H. Th sử dụng xe để đi xe ôm, kiếm thu nhập nuôi gia đình nên ngày 04/9/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe nêu trên cho chị H. Chị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

[8.3] Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Th 01 điện thoại di động Mobistar màu vàng đen đã cũ, của bị cáo T 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đã cũ là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

[9] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Th khai mua của một người phụ nữ khoảng 35 tuổi không quen biết tại khu vực đường Phan Bá Vành, Tổ 38, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để điều tra xử lý.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Ngọc Th

Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn T

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; các điều 106, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc Th và bị cáo Trần Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Th 01 năm (một năm) 03 tháng (ba tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 25 tháng 6 năm 2018).

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 05 năm (năm năm) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 25 tháng 6 năm 2018).

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy số Hêrôin thu của bị cáo Phạm Ngọc Th 0,1905 gam (không phẩy một nghìn chín trăm linh năm gam) ma túy loại Hêrôin còn lại sau giám định là 0,1697 gam (không phẩy một nghìn sáu trăm chín mươi bảy gam) trong phong bì niêm phong số 276/KLGĐ.

3.2. Trả lại bị cáo Phạm Ngọc Th 01 điện thoại di động Mobistar màu vàng đen đã cũ và bị cáo T 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đã cũ nhưng tiếp tục tạm quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 19 tháng 9 năm 2018).

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc Th, Trần Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/10/2018.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Việt Hưng